

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                 | <b>Trang</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1. Mục lục                                                                                      | 1            |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị                                                                | 2 - 4        |
| 3. Báo cáo kiểm toán                                                                            | 5            |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011                                           | 6 - 9        |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 10           |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011           | 11 - 12      |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011    | 13 - 40      |
| 8. Phụ lục                                                                                      | 41           |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 4 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh như sau:

| Cổ đông                                                 | Vốn góp (VND)  | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------------------------------------|----------------|-----------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn | 20.000.000.000 | 25,00     |
| Các cổ đông khác                                        | 60.000.000.000 | 75,00     |
| Cộng                                                    | 80.000.000.000 | 100,00    |

Theo Quyết định số 87/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 4 năm 2010, cụ thể như sau:

|                                       |                     |
|---------------------------------------|---------------------|
| - Mã chứng khoán:                     | SBC                 |
| - Loại chứng khoán:                   | Cổ phiếu phổ thông. |
| - Mệnh giá:                           | 10.000 VND.         |
| - Số lượng:                           | 8.000.000 cổ phiếu. |
| - Tổng mệnh giá chứng khoán niêm yết: | 80.000.000.000 VND. |

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng giao dịch : Số 19A, đường Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 39 482 742

Fax : (08) 39 482 743

Mã số thuế : 0304082452

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô;
- Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải;
- Mua bán rượu bia, nước giải khát;
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ xử lý dữ liệu



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận năm 2011 giảm so với năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 41).

Trong năm, Công ty chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ 40% mệnh giá với số tiền 32.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2011.

### Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Văn Thanh Liêm    | Chủ tịch   | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Xuân Hải   | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Quang Tiếp | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Ngọc Xuân  | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Hoài Bắc   | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Đàm Phan Liêm     | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Hùng Dũng  | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Hữu Chương   | Trưởng ban | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Bà Lê Thị Mai Hương     | Thành viên | 10 tháng 4 năm 2010 | -               |

#### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên             | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Quang Tiếp | Tổng Giám đốc     | 19 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Nguyễn Hoài Bắc   | Phó Tổng Giám đốc | 19 tháng 4 năm 2010 | -               |
| Ông Đàm Phan Liêm     | Phó Tổng Giám đốc | 19 tháng 4 năm 2010 | -               |

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận bia Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Văn Thanh Liêm**  
**Chủ tịch**

Ngày 05 tháng 4 năm 2012







**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0388/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

**Kính gửi: CỎ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2012

**Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                     |            |             |                        |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>240.599.233.006</b> | <b>180.910.042.309</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>32.757.251.952</b>  | <b>31.263.117.799</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 32.757.251.952         | 31.263.117.799         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>24.055.200.000</b>  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        |             | -                      | 24.055.200.000         |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>199.063.394.376</b> | <b>120.678.143.676</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        | V.2         | 166.394.719.115        | 87.461.711.525         |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        | V.3         | 11.126.985.461         | 22.087.737.703         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.4         | 21.541.689.800         | 11.128.694.448         |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>1.695.897.643</b>   | <b>1.080.954.992</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 1.695.897.643          | 1.080.954.992          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>7.082.689.035</b>   | <b>3.832.625.842</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6         | 1.353.392.341          | 2.082.683.143          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        | V.7         | 2.562.446.992          | 433.455.294            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.8         | 3.166.849.702          | 1.316.487.405          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                               |            |             |                        |                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>145.567.887.701</b> | <b>147.007.637.455</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>71.203.817.532</b>  | <b>90.005.491.369</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.9         | 71.203.817.532         | 76.914.140.958         |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 222        |             | 128.188.705.724        | 113.981.184.631        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 223        |             | (56.984.888.192)       | (37.067.043.673)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 228        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 229        |             | -                      | -                      |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.10        | -                      | 13.091.350.411         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 241        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>43.030.000.000</b>  | <b>43.030.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        | V.11        | 41.310.000.000         | 41.310.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.12        | 2.350.000.000          | 2.350.000.000          |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        | V.13        | (630.000.000)          | (630.000.000)          |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>31.334.070.169</b>  | <b>13.972.146.086</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.14        | 31.334.070.169         | 13.972.146.086         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại             | 262        | V.15        | -                      | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>386.167.120.707</b> | <b>327.917.679.764</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              |  | <b>300</b> |             | <b>234.194.981.029</b> | <b>148.452.501.616</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               |  | <b>310</b> |             | <b>212.386.168.715</b> | <b>107.424.326.179</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               |  | 311        | V.16        | 18.756.000.000         | 14.799.612.000         |
| 2. Phải trả người bán                               |  | 312        | V.17        | 159.946.855.592        | 42.939.557.440         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         |  | 313        | V.18        | 5.863.177.319          | -                      |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              |  | 314        | V.19        | 400.318.593            | 4.672.773.057          |
| 5. Phải trả người lao động                          |  | 315        | V.20        | 3.213.562.006          | 3.019.999.525          |
| 6. Chi phí phải trả                                 |  | 316        | V.21        | 19.547.698.944         | 30.990.268.263         |
| 7. Phải trả nội bộ                                  |  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |  | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       |  | 319        | V.22        | 669.509.962            | 280.013.235            |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      |  | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       |  | 323        | V.23        | 3.989.046.299          | 10.722.102.659         |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      |  | 327        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               |  | <b>330</b> |             | <b>21.808.812.314</b>  | <b>41.028.175.437</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       |  | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          |  | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            |  | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                |  | 334        | V.24        | 21.500.538.878         | 40.793.971.878         |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  |  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    |  | 336        | V.25        | 308.273.436            | 234.203.559            |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        |  | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         |  | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             |  | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     |  | <b>400</b> |             | <b>151.972.139.678</b> | <b>179.465.178.148</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            |  | <b>410</b> |             | <b>151.972.139.678</b> | <b>179.465.178.148</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        |  | 411        | V.26        | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             |  | 412        | V.26        | 27.496.000.000         | 27.496.000.000         |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          |  | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     |  | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  |  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       |  | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            |  | 417        | V.26        | 16.596.027.258         | 16.596.027.258         |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           |  | 418        | V.26        | 8.000.000.000          | 8.000.000.000          |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    |  | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               |  | 420        | V.26        | 19.880.112.420         | 47.373.150.890         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                |  | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 |  | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               |  | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                   |  | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     |  | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          |  | <b>440</b> |             | <b>386.167.120.707</b> | <b>327.917.679.764</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết<br>minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|----------------|-------------|------------|
|                                                |                |             |            |
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |                | -           | -          |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |                | -           | -          |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |                | -           | -          |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |                | -           | -          |
| 5. Ngoại tệ các loại                           |                | -           | -          |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |                | -           | -          |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Thu Hà  
Người lập biểu

Trần Bình Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay            | Năm trước             |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 884.397.144.767    | 668.624.450.330       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                  | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 884.397.144.767    | 668.624.450.330       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 853.767.302.111    | 590.241.569.728       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 30.629.842.656     | 78.382.880.602        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 10.642.662.281     | 12.537.062.051        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 4.847.850.563      | 6.885.701.962         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 4.847.850.563      | 6.705.701.962         |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VI.5        | 10.228.100.031     | 9.420.233.750         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.6        | 25.299.109.269     | 23.578.405.402        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 897.445.074        | 51.035.601.539        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 56.349.473         | 25.343.230.545        |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 306.869            | 22.015.749.376        |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 56.042.604         | 3.327.481.169         |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 953.487.678        | 54.363.082.708        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.18        | -                  | 5.777.592.280         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                  | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>953.487.678</u> | <u>48.585.490.428</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | -                  | -                     |


Lê Thị Thu Hà  
Người lập biểu

Trần Bình Nam  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

  
Nguyễn Quang Tiếp  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước               |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                       |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01        |             | 953.487.678           | 54.363.082.708          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |           |             |                       |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02        | V.9         | 19.980.468.295        | 21.072.464.459          |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03        |             | -                     | 180.000.000             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |             | -                     | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05        | VI.3, 7     | (10.164.802.694)      | (14.846.909.428)        |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06        | VI.4        | 4.847.850.563         | 6.705.701.962           |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |             | 15.617.003.842        | 67.474.339.701          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09        |             | (84.818.013.971)      | (45.579.098.202)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10        |             | (614.942.651)         | (107.341.393)           |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11        |             | 110.437.583.867       | 1.955.665.700           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12        |             | (16.632.633.281)      | (15.052.377.802)        |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13        |             | (5.473.720.084)       | (6.915.807.828)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14        | V.19        | (2.128.991.698)       | (13.193.106.996)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15        |             | 200.000.000           | 1.904.500.000           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16        |             | (15.260.121.833)      | (11.106.110.209)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>1.326.164.191</b>  | <b>(20.619.337.029)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.9, 10     | (1.178.794.458)       | (17.467.575.120)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7        | 9.025.000             | 25.336.528.590          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (6.781.927.200)       | (114.055.200.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | 33.184.512.431        | 140.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | -                     | (27.610.000.000)        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                     | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 10.261.801.739        | 2.941.700.628           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>35.494.617.512</b> | <b>9.145.454.098</b>    |

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33        |             | -                       | -                       |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34        | V.16        | (15.337.045.000)        | (19.177.612.000)        |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính                                                          | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.26        | (19.989.602.550)        | (26.163.827.783)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(35.326.647.550)</b> | <b>(45.341.439.783)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>1.494.134.153</b>    | <b>(56.815.322.714)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>31.263.117.799</b>   | <b>88.078.440.513</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                       | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>32.757.251.952</b>   | <b>31.263.117.799</b>   |

Lê Thị Thu Hà  
Người lập biểu

Trần Bình Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012



# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường.16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải hàng hóa.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 382 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 383 nhân viên).
5. **Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty**  
Lợi nhuận năm 2011 giảm so với năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bía rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập căn cứ vào việc đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

##### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 - 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 6 - 7         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 - 5         |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Chi phí xây dựng bãi đỗ xe*

Chi phí xây dựng bãi đỗ xe tại Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

##### *Chi phí khác*

Chi phí thuê đất, bảo hiểm, thuê bãi xe, thuê văn phòng... được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời hạn của hợp đồng.

#### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

#### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.





## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 12. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

#### 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... Mức trích lập quỹ dự phòng tài chính là 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập và chi phí**

##### ***Dịch vụ vận chuyển***

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển bia được ghi nhận theo số lít bia xuất bán từ các nhà máy sản xuất cho các công ty đảm nhận việc tiêu thụ sản phẩm bia trực thuộc Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn (thương mại Sabeco).

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển các mặt hàng khác được ghi nhận căn cứ vào biên bản xác định khối lượng từng chuyến vận chuyển và khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển được ghi nhận khi phát sinh.

##### ***Bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Chi phí liên quan đến bán hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **17. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                    | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt           | 12.556.000            | 38.725.000            |
| Tiền gửi ngân hàng | 32.744.695.952        | 31.224.392.799        |
| Cộng               | <u>32.757.251.952</u> | <u>31.263.117.799</u> |

#### 2. Phải thu khách hàng

|                            | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 159.836.031.468        | 84.996.670.766        |
| Phải thu khách hàng khác   | 6.558.687.647          | 2.465.040.759         |
| Cộng                       | <u>166.394.719.115</u> | <u>87.461.711.525</u> |

#### 3. Trả trước cho người bán

|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | -                     | 3.999.134.507         |
| Các nhà cung cấp khác           | 11.126.985.461        | 18.088.603.196        |
| Cộng                            | <u>11.126.985.461</u> | <u>22.087.737.703</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu khác**

|                                                                            | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân nhân viên trước cổ phần hóa                          | 4.977.363             | 4.977.363             |
| Phải thu về cổ phần hóa                                                    | 195.251.931           | 195.251.931           |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn                                            | -                     | 1.674.357.378         |
| Phải thu cổ tức                                                            | 8.262.000.000         | 6.693.666.667         |
| BHXH, BHYT phải thu của người lao động                                     | 88.394.864            | 61.405.503            |
| Thu tiền các khách hàng hộ cho Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương | 505.817.351           | 1.128.923.464         |
| Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam <sup>(i)</sup>         | 10.953.799.853        | -                     |
| Phải thu khác                                                              | 1.531.448.438         | 1.370.112.142         |
| <b>Cộng</b>                                                                | <b>21.541.689.800</b> | <b>11.128.694.448</b> |

- (i) Công ty cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam vay theo Hợp đồng số 63/CPVT/2011 ngày 08 tháng 9 năm 2011 với lãi suất là 14%/ năm, tiền gốc được thanh toán làm 6 kỳ, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 10 tháng 4 năm 2012. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam chưa thanh toán nợ vay đến hạn trong năm 2011 là 4.037.464.701 VND.

**5. Hàng tồn kho**

|                       | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.689.719.575        | 1.074.596.909        |
| Công cụ, dụng cụ      | 6.178.068            | 6.358.083            |
| <b>Cộng</b>           | <b>1.695.897.643</b> | <b>1.080.954.992</b> |

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                    | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ | 42.712.232           | 299.243.081          |
| Chi phí mua bảo hiểm               | 719.687.318          | 602.359.597          |
| Chi phí thuê tài sản               | 179.063.400          | 101.029.908          |
| Chi phí khác                       | 411.929.391          | 1.080.050.557        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.353.392.341</b> | <b>2.082.683.143</b> |

**7. Thuế và khoản phải thu Nhà nước**

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

|                           | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng                   | 3.066.849.702        | 1.216.487.405        |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 100.000.000          | 100.000.000          |
| <b>Cộng</b>               | <b>3.166.849.702</b> | <b>1.316.487.405</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                   |
|--------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                      |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                             | 126.000.000               | 99.401.400             | 110.165.020.251                       | 3.590.762.980                   | 113.981.184.631        |
| Tăng trong năm                                         | -                         | 341.000.000            | 13.351.008.142                        | 578.136.727                     | 14.270.144.869         |
| Mua sắm mới                                            | -                         | 341.000.000            | 90.000.000                            | 578.136.727                     | 1.009.136.727          |
| Kết chuyển từ chi phí<br>dở dang về mua sắm tài<br>sản | -                         | -                      | 13.261.008.142                        | -                               | 13.261.008.142         |
| Thanh lý, nhượng bán                                   | -                         | -                      | -                                     | (62.623.776)                    | (62.623.776)           |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>126.000.000</b>        | <b>440.401.400</b>     | <b>123.516.028.393</b>                | <b>4.106.275.931</b>            | <b>128.188.705.724</b> |
| <b>Trong đó:</b>                                       |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng               | -                         | -                      | 1.578.164.786                         | 410.647.392                     | 1.988.812.178          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                                 |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                             | 62.580.000                | 43.441.936             | 36.168.474.870                        | 792.546.867                     | 37.067.043.673         |
| Khấu hao trong năm                                     | 25.550.000                | 56.106.565             | 18.703.357.902                        | 1.195.453.828                   | 19.980.468.295         |
| Thanh lý, nhượng bán                                   | -                         | -                      | -                                     | (62.623.776)                    | (62.623.776)           |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>88.130.000</b>         | <b>99.548.501</b>      | <b>54.871.832.772</b>                 | <b>1.925.376.919</b>            | <b>56.984.888.192</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                 |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                             | 63.420.000                | 55.959.464             | 73.996.545.381                        | 2.798.216.113                   | 76.914.140.958         |
| <b>Số cuối năm</b>                                     | <b>37.870.000</b>         | <b>340.852.899</b>     | <b>68.644.195.621</b>                 | <b>2.180.899.012</b>            | <b>71.203.817.532</b>  |
| <b>Trong đó:</b>                                       |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                                  | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                      |
| Đang chờ thanh lý                                      | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                      |

Một số phương tiện vận tải có nguyên giá là 97.935.557.479 VND và giá trị còn lại 51.634.320.498 VND (năm trước là 123.797.331.923 VND và 86.591.688.599 VND ) đã được thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                               |                  |
|-------------------------------|------------------|
| Số đầu năm                    | 13.091.350.411   |
| Chi phí phát sinh trong năm   | 169.657.731      |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | (13.261.008.142) |
| <b>Số cuối năm</b>            | <b>-</b>         |

**11. Đầu tư vào công ty con**

|                                                                                         | Số cuối năm |                       | Số đầu năm |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                                                                                         | Số lượng    | Giá trị               | Số lượng   | Giá trị               |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận<br>Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc <sup>(i)</sup>    | 1.377.000   | 13.770.000.000        | 1.377.000  | 13.770.000.000        |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận<br>Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung <sup>(ii)</sup> | 1.377.000   | 13.770.000.000        | 1.377.000  | 13.770.000.000        |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận<br>Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây <sup>(iii)</sup>  | 1.377.000   | 13.770.000.000        | 1.377.000  | 13.770.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                             |             | <b>41.310.000.000</b> |            | <b>41.310.000.000</b> |

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000139 ngày 20 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000059 ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây là 13.770.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

#### 12. Đầu tư dài hạn khác

|                                                        | Số cuối năm |                      | Số đầu năm |                      |
|--------------------------------------------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
|                                                        | Số lượng    | Giá trị              | Số lượng   | Giá trị              |
| Đầu tư cổ phiếu:                                       |             |                      |            |                      |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco | 90.000      | 1.350.000.000        | 90.000     | 1.350.000.000        |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý                     | 100.000     | 1.000.000.000        | 100.000    | 1.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                            |             | <b>2.350.000.000</b> |            | <b>2.350.000.000</b> |

#### 13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

|                            | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | (630.000.000)        | (450.000.000)        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                    | (180.000.000)        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>(630.000.000)</b> | <b>(630.000.000)</b> |

#### 14. Chi phí trả trước dài hạn

|                               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ              | -                     | 3.858.981             |
| Tiền thuê văn phòng trả trước | 4.305.600.000         | 6.696.781.200         |
| Tiền thuê xe trả trước        | 234.000.000           | 514.800.000           |
| Tiền thuê đất trả trước       | 4.736.842.104         | 6.000.000.000         |
| Chi phí xây dựng bãi đỗ xe    | 20.107.683.636        | -                     |
| Chi phí khác                  | 1.949.944.429         | 756.705.905           |
| <b>Cộng</b>                   | <b>31.334.070.169</b> | <b>13.972.146.086</b> |

#### 15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có khoản lỗ tính thuế là 6.613.531.676 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Vay và nợ ngắn hạn**

Các khoản vay dài hạn đến hạn trả với chi tiết phát sinh như sau:

|                                                                            | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Số kết chuyển</u>  | <u>Số tiền vay đã<br/>trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>    |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển nhà<br>Đồng bằng Sông Cửu Long<br>- Chi nhánh Sài Gòn | 14.378.000.000        | 18.134.000.000        | (13.756.000.000)                        | 18.756.000.000        |
| Ngân hàng TMCP Công<br>thương Việt Nam - Chi<br>nhánh Nam Sài Gòn          | 421.612.000           | 1.159.433.000         | (1.581.045.000)                         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                                | <b>14.799.612.000</b> | <b>19.293.433.000</b> | <b>(15.337.045.000)</b>                 | <b>18.756.000.000</b> |

**17. Phải trả người bán**

|                                | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải trả cho các bên liên quan | 109.808.916.759        | 26.005.469.921        |
| Các nhà cung cấp khác          | 50.137.938.833         | 16.934.087.519        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>159.946.855.592</b> | <b>42.939.557.440</b> |

**18. Người mua trả tiền trước**

Phản ánh khoản trả tiền trước của các bên liên quan.

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                               | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số phải nộp<br/>trong năm</u> | <u>Số đã nộp<br/>trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>     |
|-------------------------------|----------------------|----------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội<br>địa | 4.105.674.372        | 4.881.404.962                    | (8.599.606.209)                | 387.473.125            |
| Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp | (433.455.294)        | -                                | (2.128.991.698)                | (2.562.446.992)        |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 567.098.685          | 7.167.670.818                    | (7.721.924.035)                | 12.845.468             |
| Tiền thuế đất                 | -                    | 500.000.000                      | (500.000.000)                  | -                      |
| Thuế môn bài                  | -                    | 3.000.000                        | (3.000.000)                    | -                      |
| <b>Cộng</b>                   | <b>4.239.317.763</b> | <b>12.552.075.780</b>            | <b>(18.953.521.942)</b>        | <b>(2.162.128.399)</b> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho loại hình vận chuyển, hoạt động cho thuê kho bãi, thương mại là 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2011 là năm thứ 6 kể từ khi hoạt động kinh doanh có lãi nên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nay được dự tính như sau:

|                                                                                                          | <b>Năm nay</b>  | <b>Năm trước</b>       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 953.487.678     | 54.363.082.708         |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                 |                        |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 1.194.875.719   | 1.337.615.643          |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | 2.148.363.397   | 55.700.698.351         |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | (8.761.895.073) | (6.843.561.740)        |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | (6.613.531.676) | 48.857.136.611         |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 25%             | 25%                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | -               | <b>12.214.284.153</b>  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>                                                              | -               | <b>(6.107.142.076)</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>                                                           | -               | <b>6.107.142.076</b>   |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</b>                                      | -               | <b>(329.549.796)</b>   |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                          | -               | <b>5.777.592.280</b>   |

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 23.990 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

20. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương còn phải trả nhân viên.

21. **Chi phí phải trả**

|                            | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê xe vận chuyển | 16.152.875.711        | 27.020.840.700        |
| Chi phí lãi vay ngân hàng  | 1.164.239.949         | 1.790.109.470         |
| Chi phí phải trả khác      | 2.230.583.284         | 2.179.318.093         |
| <b>Cộng</b>                | <b>19.547.698.944</b> | <b>30.990.268.263</b> |

22. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                   | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b>  |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                | 159.408.262        | -                  |
| Nhận ký quỹ                       | 4.042.500          | 4.042.500          |
| Cổ tức lợi nhuận phải trả         | 377.075.000        | 247.216.875        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 128.984.200        | 28.753.860         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>669.509.962</b> | <b>280.013.235</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23. Quỹ khen thưởng**

|                                | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>      |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                     | 10.722.102.659       | 7.298.028.588         |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | -                    | 4.858.549.043         |
| Tăng khác                      | -                    | 4.500.000             |
| Chi quỹ trong năm              | (6.733.056.360)      | (1.438.974.972)       |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>3.989.046.299</b> | <b>10.722.102.659</b> |

**24. Vay và nợ dài hạn**

|                                                                                     | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(i)</sup> | 21.500.538.878        | 39.634.538.878        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn <sup>(ii)</sup>         | -                     | 1.159.433.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                         | <b>21.500.538.878</b> | <b>40.793.971.878</b> |

<sup>(i)</sup> Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số TA0907.07/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2007 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 0,808%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2009 để nhập khẩu ủy thác phương tiện vận tải với lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cộng 2%, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty.

<sup>(ii)</sup> Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 09.006.0012/HĐTD ngày 05 tháng 8 năm 2009 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                                                                      | <b>Số đầu năm</b>     | <b>Số kết chuyển</b>    | <b>Số cuối năm</b>    |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn | 39.634.538.878        | (18.134.000.000)        | 21.500.538.878        |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn          | 1.159.433.000         | (1.159.433.000)         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b>40.793.971.878</b> | <b>(19.293.433.000)</b> | <b>21.500.538.878</b> |

**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

|                        | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm             | 234.203.559        | 183.508.746        |
| Số trích lập trong năm | 147.932.889        | 102.419.788        |
| Số chi trong năm       | (73.863.012)       | (51.724.975)       |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>308.273.436</b> | <b>234.203.559</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****26. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

***Cổ tức***

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

|                      | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi cổ tức năm trước | 19.989.602.550        | 14.467.505.333        |
| Tạm ứng cổ tức       | -                     | 11.696.322.450        |
| <b>Cộng</b>          | <b>19.989.602.550</b> | <b>26.163.827.783</b> |

***Cổ phiếu***

|                                        | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 8.000.000          | 8.000.000         |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                  | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | -                  | -                 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 8.000.000          | 8.000.000         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

|                              | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu               |                        |                        |
| - Doanh thu bán hàng hóa     | 2.989.403.120          | 1.636.689.985          |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 881.407.741.647        | 666.987.760.345        |
| <b>Doanh thu thuần</b>       | <b>884.397.144.767</b> | <b>668.624.450.330</b> |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                  | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 2.811.345.715          | 1.538.417.536          |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp  | 850.955.956.396        | 588.703.152.192        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>853.767.302.111</b> | <b>590.241.569.728</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 486.884.587           | 1.227.337.378         |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn      | 1.393.882.621         | 4.466.162.933         |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 8.761.895.073         | 6.843.561.740         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>10.642.662.281</b> | <b>12.537.062.051</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

|                                            | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                            | 4.847.850.563        | 6.705.701.962        |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn | -                    | 180.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>4.847.850.563</b> | <b>6.885.701.962</b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>     |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 8.783.039.731         | 7.145.790.046        |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 314.039.488           | 230.216.218          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 113.251.416           | 54.771.188           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 648.425.180           | 1.766.488.388        |
| Chi phí bằng tiền khác           | 369.344.216           | 222.967.910          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>10.228.100.031</b> | <b>9.420.233.750</b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý        | 13.246.129.100        | 10.275.331.264        |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý  | 971.302.499           | 1.125.454.978         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.285.671.780         | 347.041.996           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 503.000.000           | 2.396.002.500         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 7.828.708.373         | 6.142.535.714         |
| Chi phí bằng tiền khác           | 1.464.297.517         | 3.292.038.950         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>25.299.109.269</b> | <b>23.578.405.402</b> |

**7. Thu nhập khác**

|                                               | <b>Năm nay</b>    | <b>Năm trước</b>      |
|-----------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 9.025.000         | 25.336.528.590        |
| Thu nhập khác                                 | 47.324.473        | 6.701.955             |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>56.349.473</b> | <b>25.343.230.545</b> |

**8. Chi phí khác**

|                                                      | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b>      |
|------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | -              | 21.799.343.835        |
| Chi phí khác                                         | 306.869        | 216.405.541           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>306.869</b> | <b>22.015.749.376</b> |

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 43.561.053.581         | 38.296.830.670         |
| Chi phí nhân công                | 55.584.841.220         | 45.453.562.035         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.980.468.295         | 21.072.464.459         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 764.844.827.960        | 510.878.544.820        |
| Chi phí khác                     | 2.511.974.640          | 6.000.389.360          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>886.483.165.696</b> | <b>621.701.791.344</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 81/HĐHTĐT/SGB-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà cao cấp hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ dịch vụ (bán và cho thuê) tại số 78 Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh với vốn đầu tư dự kiến 950.000.000.000 VND. Công ty góp vốn bằng quyền thuê khu đất 22.990 m<sup>2</sup> tại số 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại dự án đang được triển khai và Công ty đã di chuyển trụ sở về số 19A đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Trụ sở văn phòng cũ hiện đang được dọn dẹp để xây dựng tòa nhà văn phòng theo dự án nêu trên.

### 3. Giao dịch với các bên liên quan

#### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                                      | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thù lao thành viên Hội đồng quản trị | 1.342.099.986        | 1.510.824.000        |
| Thu nhập Ban Tổng Giám đốc           | 3.514.759.116        | 2.781.987.230        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>4.856.859.102</b> | <b>4.292.811.230</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                                                 | <b>Mối quan hệ</b>                                                        |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn                 | Cổ đông sáng lập nắm giữ 25,00% vốn điều lệ                               |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại                                | Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,96% vốn điều lệ                                |
| Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu           | Cổ đông sáng lập nắm giữ 2,24% vốn điều lệ                                |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9                        | Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,40% vốn điều lệ                                |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc   | Công ty con                                                               |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung | Công ty con                                                               |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây            | Công ty con                                                               |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco                        | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung                         | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên                         | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ                       | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông                          | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền                          | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu                           | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây                                 | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm                          | Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco             |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây                                 | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn                                       | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây                                        | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân                           | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên                        | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam                                   | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội                                   | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ                                  | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

| <b>Bên liên quan</b>                                   | <b>Mối quan hệ</b>                                                        |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi                 | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu                   | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh                  | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô      | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam                   | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn      |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam                 | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco              | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Nước khoáng Dakai                      | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý                     | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam             | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt                               |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                              | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh</b> |                |                  |
| Mua dầu DO và thùng giấy                                                     | 48.789.150     | 64.356.500       |
| Thuế GTGT                                                                    | 4.878.915      | 6.435.650        |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                           | 587.219.000    | 551.650.220      |
| Thuế GTGT                                                                    | 58.721.900     | 55.165.022       |
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại</b>                                 |                |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                          | 23.885.469.806 | 23.660.778.505   |
| Thuế GTGT                                                                    | 2.388.546.981  | 2.366.077.851    |
| Doanh thu bán thùng giấy                                                     | 7.404.589      | 1.637.975        |
| Thuế GTGT                                                                    | 740.459        | 163.797          |
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu</b>            |                |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                          | 86.663.601.128 | 73.253.997.545   |
| Thuế GTGT                                                                    | 8.666.360.113  | 7.325.399.754    |
| Doanh thu bán thùng giấy                                                     | 22.490.125     | 9.782.704        |
| Thuế GTGT                                                                    | 2.249.013      | 978.270          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                                    | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| <b><i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9</i></b>                        |                 |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                                | 29.575.848.421  | 22.374.446.351   |
| Thuế GTGT                                                                          | 2.957.584.843   | 2.237.444.635    |
| Chi phí thuê kho tại Thới An                                                       | 172.260.000     | -                |
| Thuế GTGT                                                                          | 17.226.000      | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc</i></b>   |                 |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                                | 98.583.343.858  | 73.200.845.583   |
| Thuế GTGT                                                                          | 9.858.334.385   | 7.320.084.558    |
| Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư                                      | 936.094.372     | 9.655.175.278    |
| Thuế GTGT                                                                          | 72.917.341      | 965.517.528      |
| Cổ tức                                                                             | 2.754.000.000   | 2.934.000.000    |
| Chi phí chi hộ                                                                     | 24.775.100      | -                |
| Chi phí thu hộ                                                                     | 55.540.154      | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung</i></b> |                 |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                                | 153.046.879.490 | 84.215.251.335   |
| Thuế GTGT                                                                          | 15.304.687.948  | 8.421.525.133    |
| Chi phí mua vật liệu                                                               | 82.137.151      | -                |
| Thuế GTGT                                                                          | 8.213.714       | -                |
| Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư                                      | 1.778.478.743   | 5.774.153.498    |
| Thuế GTGT                                                                          | 177.847.874     | 577.415.350      |
| Cổ tức                                                                             | 2.754.000.000   | 2.934.000.000    |
| Chi phí công tác chi hộ                                                            | 61.882.101      | -                |
| Chi phí thu hộ                                                                     | 4.208.422       | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây</i></b>   |                 |                  |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển                                                | 93.166.204.887  | 41.972.300.392   |
| Thuế GTGT                                                                          | 9.316.620.490   | 4.197.230.039    |
| Doanh thu cho thuê xe, bán thùng giấy, vật tư                                      | 2.823.660.330   | 13.578.185.997   |
| Thuế GTGT                                                                          | 282.366.033     | 1.357.818.600    |
| Cổ tức                                                                             | 2.754.000.000   | -                |
| Chi phí chi hộ                                                                     | 24.775.100      | 825.666.667      |
| Chi phí thu hộ                                                                     | 4.893.692       | -                |
| <b><i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco</i></b>                        |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 10.738.708.616  | 7.463.173.374    |
| Thuế GTGT                                                                          | 1.073.870.862   | 746.317.337      |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh</i></b>        |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 30.043.572.999  | 47.756.911.951   |
| Thuế GTGT                                                                          | 3.004.357.300   | 4.775.691.195    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                                    | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh</i></b>        |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 86.122.774.845  | 69.793.551.923   |
| Thuế GTGT                                                                          | 8.612.277.484   | 6.979.355.192    |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh</i></b>      |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 97.155.644.009  | 100.527.803.963  |
| Thuế GTGT                                                                          | 9.715.564.401   | 10.052.780.396   |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh</i></b>         |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 121.382.608.467 | 83.876.547.840   |
| Thuế GTGT                                                                          | 12.138.260.847  | 8.387.654.784    |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh</i></b>         |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 102.549.189.101 | 68.404.525.373   |
| Thuế GTGT                                                                          | 10.254.918.910  | 6.840.452.537    |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh</i></b>          |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 89.533.228.504  | 51.088.136.310   |
| Thuế GTGT                                                                          | 8.953.322.850   | 5.108.813.631    |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng</i></b> |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 1.630.062.690   | 1.274.955.555    |
| Thuế GTGT                                                                          | 163.006.269     | 127.495.555      |
| <b><i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm</i></b>                          |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 303.952.170.087 | 221.312.957.888  |
| Thuế GTGT                                                                          | 30.395.217.009  | 22.131.295.789   |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây</i></b>                                 |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                 | 119.445.958     | 153.388.760      |
| Thuế GTGT                                                                          | 11.944.596      | 15.338.876       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn</i></b>                                       |                 |                  |
| Doanh thu cho thuê kho bãi                                                         | 336.594.000     | 910.269.709      |
| Thuế GTGT                                                                          | 33.659.400      | 91.026.971       |
| Chi phí mua thùng giấy                                                             | 440.400.000     | 12.875.000       |
| Thuế GTGT                                                                          | 44.040.000      | 1.287.500        |
| <b><i>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</i></b>                                        |                 |                  |
| Doanh thu vận chuyển rượu và vật tư                                                | 20.000.000      | -                |
| Thuế GTGT                                                                          | 2.000.000       | -                |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân</i></b>         |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 144.819.669    | 73.199.397       |
| Thuế GTGT                                                        | 14.481.967     | 7.319.940        |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam</i></b>                 |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 70.098.137     | 74.573.389       |
| Thuế GTGT                                                        | 7.009.814      | 7.457.339        |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội</i></b>                 |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 290.693.894    | 828.456.493      |
| Thuế GTGT                                                        | 29.069.389     | 82.845.649       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ</i></b>                |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 177.228.615    | -                |
| Thuế GTGT                                                        | 17.722.861     | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi</i></b>             |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 6.669.502.575  | 108.000.000      |
| Thuế GTGT                                                        | 666.950.258    | 10.800.000       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và chi nhánh</i></b> |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 657.271.002    | 164.424.831      |
| Thuế GTGT                                                        | 65.727.100     | 16.442.483       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô</i></b>  |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 1.374.575.187  | 127.733.760      |
| Thuế GTGT                                                        | 137.457.519    | 12.773.376       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam</i></b>               |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 4.134.504.508  | -                |
| Thuế GTGT                                                        | 413.450.451    | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam</i></b>             |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 4.259.431.145  | 1.486.320.000    |
| Thuế GTGT                                                        | 425.943.115    | 148.632.000      |
| <b><i>Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco</i></b>          |                |                  |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                               | 3.100.000      | -                |
| Thuế GTGT                                                        | 310.000        | -                |
| <b><i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Phú Yên</i></b>             |                |                  |
| Bán Pallette gỗ                                                  | -              | 73.500.000       |
| Thuế GTGT                                                        | -              | 7.350.000        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                                     | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu</i></b>                                  |                    |                   |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                  | 3.049.471.187      | 32.300.971        |
| Thuế GTGT                                                                           | 304.947.119        | 3.230.097         |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý</i></b>                                    |                    |                   |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                  | 65.596.423         | -                 |
| Thuế GTGT                                                                           | 6.559.642          | -                 |
| Cổ tức                                                                              | 499.895.073        | -                 |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung và các chi nhánh</i></b>               |                    |                   |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư                                                  | 85.235.855         | 108.197.820       |
| Thuế GTGT                                                                           | 8.523.585          | 10.819.782        |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:        |                    |                   |
|                                                                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <b><i>Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh</i></b> |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                                            | 85.692.479         | 274.949.974       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng</i></b>  |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                                            | 411.421.899        | 648.817.895       |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu</i></b>            |                    |                   |
| Phải thu bán thùng giấy                                                             | 2.388.100          | 6.160.994         |
| <b><i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9</i></b>                         |                    |                   |
| Ứng trước cước vận chuyển                                                           | -                  | 3.999.134.507     |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc</i></b>    |                    |                   |
| Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe                                              | 122.661.200        | 46.745.911        |
| Cổ tức                                                                              | 2.754.000.000      | 2.934.000.000     |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung</i></b>  |                    |                   |
| Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe                                              | 1.098.001.234      | 114.031.295       |
| Cổ tức                                                                              | 2.754.000.000      | 2.934.000.000     |
| <b><i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Tây</i></b>    |                    |                   |
| Phải thu bán thùng giấy và cho thuê xe                                              | 2.797.416.600      | 1.259.940         |
| Cổ tức                                                                              | 2.754.000.000      | 825.666.667       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                        | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco</b>                   |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | -                  | 2.144.140.079     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh</b>   |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 3.831.948.670      | 240.199.159       |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh</b>   |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 19.535.552.352     | 1.068.144.825     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh</b> |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 3.414.614.613      | 381.959.936       |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh</b>    |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 27.365.558.841     | 3.182.543.740     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh</b>    |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 19.941.100.883     | 6.692.905.971     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh</b>     |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 21.082.419.649     | 9.289.502.228     |
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm</b>                     |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 47.900.939.966     | 54.429.512.572    |
| <b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>                                   |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 22.000.000         |                   |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây</b>                            |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 9.763.974          | 141.806.500       |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi</b>                          |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 4.129.421.174      | -                 |
| <b>Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn</b>                              |                    |                   |
| Phải thu tiền thuê kho bãi                                             | 3.456.426.040      | 3.086.172.640     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên</b>                   |                    |                   |
| Phải thu cước vận chuyển                                               | 80.850.000         | 80.850.000        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                                                       | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý</i><br>Phải thu cước vận chuyển                                 | 13.574.683                    | -                            |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội</i><br>Phải thu cước vận chuyển                                 | 319.763.283                   | 1.265.967.059                |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ</i><br>Phải thu cước vận chuyển                                | 13.152.259                    | -                            |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu</i><br>Phải thu cước vận chuyển                               | 2.051.846.594                 | 35.531.068                   |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và các chi nhánh</i><br>Phải thu cước vận chuyển             | 463.642.491                   | 111.499.378                  |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam</i><br>Phải thu cước vận chuyển                               | 1.509.380.227                 | -                            |
| <i>Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam</i><br>Phải thu cước vận chuyển                             | 176.494.257                   | 1.634.952.000                |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung và các chi nhánh</i><br>Phải thu cước vận chuyển            | -                             | 119.017.602                  |
| <i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam</i><br>Tiền cho vay                                     | 10.953.799.853                | -                            |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                                                                               | <b><u>179.051.831.321</u></b> | <b><u>95.689.471.940</u></b> |
| <i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco</i><br>Ứng trước cước vận chuyển                     | 5.849.602.636                 | -                            |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại</i><br>Cước vận chuyển phải trả                              | 1.852.109.050                 | 2.895.081.980                |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu</i><br>Cước vận chuyển phải trả         | 12.724.430.072                | 3.667.433.123                |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Bắc</i><br>Cước vận chuyển phải trả | 26.527.986.178                | 15.230.603.937               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                                             | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Sabetran Miền Trung</b> |                               |                              |
| Cước vận chuyển phải trả                                                    | 46.040.787.738                | 22.505.897.476               |
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây</b>            |                               |                              |
| Cước vận chuyển phải trả                                                    | 28.541.176.980                | 9.002.455.299                |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9</b>                        |                               |                              |
| Cước vận chuyển phải trả                                                    | 4.348.418.938                 | 2.426.922.886                |
| <b>Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn</b>                                   |                               |                              |
| Mua thùng giấy                                                              | 498.602.500                   | -                            |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân</b>                           |                               |                              |
| Ứng trước cước vận chuyển                                                   | 13.574.683                    | -                            |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                                                     | <b><u>126.396.688.775</u></b> | <b><u>55.728.394.701</u></b> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**4. Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển tại Việt Nam.

**5. Thuê hoạt động**

Công ty thuê đất tại ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 19.745 m<sup>2</sup> dưới hình thức thuê hoạt động được sử dụng cho mục đích xây dựng văn phòng làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2010 đến ngày 01 tháng 8 năm 2030. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 1.200.000.000                | 1.200.000.000                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.800.000.000                | 4.800.000.000                |
| Trên 5 năm           | 16.300.000.000               | 17.500.000.000               |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>22.300.000.000</u></b> | <b><u>23.500.000.000</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                           | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 32.757.251.952         | 31.263.117.799         | 32.757.251.952         | 31.263.117.799         |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | -                      | 24.055.200.000         | -                      | 24.055.200.000         |
| Phải thu khách hàng                       | 166.394.719.115        | 87.461.711.525         | 166.394.719.115        | 87.461.711.525         |
| Cho vay                                   | 10.953.799.853         | -                      | 10.953.799.853         | -                      |
| Các khoản phải thu khác                   | 10.594.517.720         | 11.162.311.582         | 10.594.517.720         | 11.162.311.582         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 1.720.000.000          | 1.720.000.000          | 1.720.000.000          | 1.720.000.000          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>222.420.288.640</b> | <b>155.662.340.906</b> | <b>222.420.288.640</b> | <b>155.662.340.906</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>              |                        |                        |                        |                        |
| Phải trả người bán                        | 159.946.855.592        | 42.939.557.440         | 159.946.855.592        | 42.939.557.440         |
| Vay và nợ                                 | 40.256.538.878         | 55.593.583.878         | 40.256.538.878         | 55.593.583.878         |
| Các khoản phải trả khác                   | 23.579.636.086         | 34.524.484.582         | 23.579.636.086         | 34.524.484.582         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>223.783.030.556</b> | <b>133.057.625.900</b> | <b>223.783.030.556</b> | <b>133.057.625.900</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

#### 7. Tài sản đảm bảo

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9 và V.24). Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp này năm nay là 51.634.320.498 VND (năm trước là 86.591.688.599 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau và các công ty liên quan nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                               |                                 |                        |
| Phải trả người bán      | 159.946.855.592               | -                               | 159.946.855.592        |
| Vay và nợ               | 21.315.303.977                | 22.806.447.775                  | 44.121.751.753         |
| Các khoản phải trả khác | 23.271.362.650                | 308.273.436                     | 23.579.636.086         |
| <b>Cộng</b>             | <b>204.533.522.219</b>        | <b>23.114.721.211</b>           | <b>227.648.243.431</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                        |
| Phải trả người bán      | 42.939.557.440                | -                               | 42.939.557.440         |
| Vay và nợ               | 19.647.462.563                | 44.659.184.753                  | 64.306.647.316         |
| Các khoản phải trả khác | 34.290.281.023                | 234.203.559                     | 34.524.484.582         |
| <b>Cộng</b>             | <b>96.877.301.026</b>         | <b>44.893.388.312</b>           | <b>141.770.689.338</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường chủ yếu đối với hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### ***Rủi ro về lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất theo thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 380.221.739 VND (năm trước giảm/tăng 460.277.414 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do Công ty đã thanh toán được một phần nợ vay.

#### ***Rủi ro về giá chứng khoán***

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

#### ***Rủi ro về giá nhiên liệu***

Sự biến động của giá nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến chi phí và do vậy có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty hạn chế ảnh hưởng này thông qua việc đàm phán lại phí vận chuyển ngay khi có sự biến động của giá nhiên liệu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

Lê Thị Thu Hà  
Người lập biểu

Trần Bình Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 78, đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                                                  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần  | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước                                              | 80.000.000.000            | 27.496.000.000        | 11.737.478.215        | 8.000.000.000          | 61.780.766.443                    | 189.014.244.658        |
| Lợi nhuận trong năm trước                                        | -                         | -                     | -                     | -                      | 48.585.490.428                    | 48.585.490.428         |
| Trích lập các quỹ trong năm trước                                | -                         | -                     | 4.858.549.043         | -                      | (9.717.098.086)                   | (4.858.549.043)        |
| Chia cổ tức trong năm trước                                      | -                         | -                     | -                     | -                      | (43.608.872.658)                  | (43.608.872.658)       |
| Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công nhân viên | -                         | -                     | -                     | -                      | (7.335.000.000)                   | (7.335.000.000)        |
| Khác                                                             | -                         | -                     | -                     | -                      | (2.332.135.237)                   | (2.332.135.237)        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                                      | <b>80.000.000.000</b>     | <b>27.496.000.000</b> | <b>16.596.027.258</b> | <b>8.000.000.000</b>   | <b>47.373.150.890</b>             | <b>179.465.178.148</b> |
| Số dư đầu năm nay                                                | 80.000.000.000            | 27.496.000.000        | 16.596.027.258        | 8.000.000.000          | 47.373.150.890                    | 179.465.178.148        |
| Lợi nhuận trong năm nay                                          | -                         | -                     | -                     | -                      | 953.487.678                       | 953.487.678            |
| Chia cổ tức trong năm nay                                        | -                         | -                     | -                     | -                      | (20.119.460.675)                  | (20.119.460.675)       |
| Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công nhân viên | -                         | -                     | -                     | -                      | (7.582.065.473)                   | (7.582.065.473)        |
| Chi thường Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco         | -                         | -                     | -                     | -                      | (200.000.000)                     | (200.000.000)          |
| Khác                                                             | -                         | -                     | -                     | -                      | (545.000.000)                     | (545.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                                        | <b>80.000.000.000</b>     | <b>27.496.000.000</b> | <b>16.596.027.258</b> | <b>8.000.000.000</b>   | <b>19.880.112.420</b>             | <b>151.972.139.678</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2012

*Trần Bình Nam*

Trần Bình Nam  
Kế toán trưởng

*Lê Thị Thu Hà*

Lê Thị Thu Hà  
Người lập biểu



Nguyễn Quang Tiếp  
Tổng Giám đốc